TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Quách Hà Vính
2. Bà Trần Thị Dần

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 11/01/2023, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm: 2000
Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.
2.Bị đơn: Anh Hoàng Văn C; Sinh năm: 1998
Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2022, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 07/01/2019. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 01 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn, hai bên không có nhiều thời gian tìm hiểu kỹ về nhau nên khi về chung sống thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Gia B, sinh ngày 20/05/2020. Ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/12/2022 và tại phiên tòa, chị T đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Tại bản tự khai ngày 12/12/2022, anh Hoàng Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Đến ngày 07/01/2019 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Gia B, sinh ngày 20/5/2020. Ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh C trình bày, giữa anh và chị T có các khoản nợ chung gồm:

- Nợ Ngân hàng Agribank 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc, lãi hàng tháng là 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng);
- Nợ Ngân hàng Shihan Bank số tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tiền lãi hàng tháng là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng);

Ly hôn, anh yêu cầu chia đôi hai khoản nợ nói trên. Anh và chị T mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Agribank 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), trả cho Ngân hàng Shihan Bank 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và tiền lãi mỗi người phải trả hàng tháng là 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu anh C cung cấp các tài liệu, chứng cứ đối với các khoản nợ nói trên đề làm căn cứ giải quyết vụ án nhưng anh C không cung cấp được nên Tòa án không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn C được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 20/5/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh C không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh C theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Anh C đã được triệu tập lần thứ hai đến để tham gia phiên toà nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh C.

[5]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 07/01/2019 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 01 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn, hai bên không có nhiều thời gian tìm hiểu kỹ về nhau nên khi về chung sống thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Việc này, cả chị T và anh C đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị T và anh C đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, chứng tỏ mâu thẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn C được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Xét thấy, bản thân cháu B đang còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), rất cần sự chăm sóc của người mẹ; việc cấp dưỡng nuôi con là cần thiết và mức cấp dưỡng 1.000.0000đ/tháng là phù hợp. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 20/5/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

[7]. Về tài sản: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về nợ chung: Do anh C không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan điến việc yêu cầu chia nợ nên Tòa án không có căn cứ để xem xét, giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho anh C về việc chia nợ chung của vợ chồng trong vụ án khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9]. Về án phí: Chị T và anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 20/5/2020 chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác. Khoải tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007888 ngày 01/12/2022. Chị Thanh đã nộp đủ tiền án phí. Anh C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị T, vắng mặt anh Hoàng Văn C. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc